|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY**TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CẤP** **ĐỘ****CHỦ** **ĐỀ** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | **VẬN DỤNG CAO** | **CỘNG** |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **Địa lí dân cư** | - Biết các dân tộc của Việt Nam.- Biết nguyên nhân tỉ lệ sinh ở nước ta giảm.- Biết sự phân bố dân cư nước ta. - Biết được đặc điểm nguồn lao động của nước ta. | - Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng. |  |  |  |  |
| **Số câu****Số điểm****Tỉ lệ** | 41,3313,3% |  | 10,333,3% |  |  |  |  |  | **5****1,66****16,6%** |
| **Địa lí kinh tế** | - Biết được xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành- Sự phân bố cây công nghiệp.- Vai trò của các loại rừng.- Sự phát triển và phân bố của ngành khai thác, nuôi trồng thuỷ sản.- Biết được tình hình phát triển của sản xuất công nghiệp.- Biết được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nói chung.- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ. | - Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. | - Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu ngành chăn nuôi. | - Vận dụng kiến thức để giải thích, liên hệ các vấn đề thực tiễn có liên quan đến chủ đề địa lí kinh tế |  |
| **Số câu** **Số điểm****Tỉ lệ** | 82,6626,6% |  | 20,666,6% | 12,020% |  | 1/22,020% |  | 1/21,010% | **12****8,33****13,3%** |
| **TS Câu****TS điểm****Tỉ lệ** | **12****4,0****40%** |  | **3****1,0****10%** | **1****2,0****20%** |  | **1/2****2,0****20%** |  | **1/2****1,0****10%** | **17****10,0****100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY**TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG** | **BẢNG ĐẶT TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG** | **CÁC MỨC ĐỘ** | **ĐIỂM** |
| 1 |  **Địa lí dân cư** | - Biết các dân tộc của Việt Nam.- Biết nguyên nhân tỉ lệ sinh ở nước ta giảm.- Biết sự phân bố dân cư nước ta. - Biết được đặc điểm nguồn lao động của nước ta.  | Nhận biết | 1,33 |
| - Phân biệt được các loại hình quần cư thành thị và nông thôn theo chức năng. | Thông hiểu | 0,33 |
| 2 | **Địa lí kinh tế** | - Biết được xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành- Sự phân bố cây công nghiệp.- Vai trò của các loại rừng.- Sự phát triển và phân bố của ngành khai thác, nuôi trồng thuỷ sản.- Biết được tình hình phát triển của sản xuất công nghiệp.- Biết được đặc điểm phân bố của ngành dịch vụ nói chung.- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành dịch vụ. | Nhận biết | 2,66 |
| - Phân tích các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp. | Thông hiểu | 2,66 |
| - Vẽ và phân tích biểu đồ về sự thay đổi cơ cấu ngành chăn nuôi. | Vận dụng | 2,0 |
| - Vận dụng kiến thức để giải thích, liên hệ các vấn đề thực tiễn có liên quan đến chủ đề địa lí kinh tế | Vận dụng cao | 1,0 |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY**TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG**  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****NĂM HỌC 2022-2023** |
| **MÔN ĐỊA LÍ 9** |
|

|  |
| --- |
| **ĐỀ CHÍNH THỨC** |

 *(Đề gồm có 2 trang)* | **Thời gian: 45 Phút.** ***(****Không kể thời gian giao đề)* |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** (5,0 điểm*)* *(Học sinh làm bài vào giấy thi)*

 ***Chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm (VD: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi ở giấy làm bài là 1-A…)*** (mỗi câu 0,33 điểm)

**Câu 1.** Dân cư nước ta phân bố không đồng đều, tập trung đông đúc ở các vùng nào?

A. Hải đảo. B. Miền núi. C. Trung du. D. Đồng bằng.

**Câu 2.** Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

A. 55 dân tộc. B. 54 dân tộc. C. 53 dân tộc. D. 52 dân tộc.

**Câu 3.** Trong giai đoạn hiện nay, tỉ lệ sinh giảm là do

A. nhà nước không cho sinh nhiều. B. tâm lý trọng nam khinh nữ không còn.

C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm. D. thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.

**Câu 4.** Quần cư thành thị là khu vực phát triển ngành

A. công nghiệp, nông nghiệp. B. công nghiệp, dịch vụ.

C. nông nghiệp, dịch vụ. D. nông nghiệp, âm nghiệp, thủy sản.

**Câu 5.** Nguồn lao động nước ta còn có hạn chế về

A. kinh nghiệm sản xuất.

B. nguồn lao động bổ sung hàng năm lớn.

C. khả năng tiếp thu khoa học – kỹ thuật.

D. thể lực, trình độ chuyên môn và tác phong lao động.

**Câu 6.** Chuyển dịch cơ cấu ngành của nước ta đang diễn ra theo xu hướng nào?

A. Tăng tỉ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, giảm tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ.

B. Tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng, giảm tỉ trọng của khu vực nông nghiệp và khu vực dịch vụ.

C. Tăng tỉ trọng của khu vực dịch vụ, giảm tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp.

D. Giảm tỉ trọng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng tỉ trọng của khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ.

**Câu 7.** Các loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, hồ tiêu, điều được trồng nhiều ở đâu?

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.

C. Trung Du Bắc Bộ. D. Đồng bằng Sông Cửu Long.

**Câu 8**. Khó khăn chủ yếu về môi trường đối với ngành thuỷ sản là

A. dân còn nghèo, vốn đầu tư ít. B. quy mô ngành thuỷ sản còn nhỏ.

C. ngư trường đánh bắt có nhiều thiên tai. D. nguồn lợi thuỷ sản bị suy giảm khá mạnh.

**Câu 9.** Các khu rừng đầu nguồn, các cánh rừng chắn cát bay ven biển,… thuộc loại rừng nào?

A. Rừng sản xuất. B. Rừng đặc dụng.

C. Rừng nguyên sinh. D. Rừng phòng hộ.

**Câu 10.**  Ngành công nghiệp năng lượng (thủy điện) phát triển dựa trên cơ sở tài nguyên nào?

A. Khoáng sản kim loại. B. Khoáng sản năng lượng.

C. Khoáng sản phi kim loại. D. Thủy năng của sông suối.

**Câu 11.** Ở nước ta hiện nay, đã phát triển mấy loại hình giao thông vận tải?

A. 4 loại hình. B. 5 loại hình. C. 6 loại hình. D. 7 loại hình.

**Câu 12.** Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ?

A. Giao thông vận tải phát triển.

B. Nền kinh tế phát triển năng động.

C. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

D. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.

**Câu 13.** Ý nào sau đây **không phải** là thành tựu của nền kinh tế nước ta khi tiến hành đổi mới?

A. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo tích cực.

B. Chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn.

C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh và khá vững chắc.

D. Hội nhập nền kinh tế khu vực và toàn cầu diễn ra nhanh chóng.

**Câu 14.**Nước ta chủ yếu nhập khẩu:

A. hàng nông, lâm, thủy sản. B. máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu.

C. lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng. D. hàng công nghiệp nặng và khoáng sản.

**Câu 15.** Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và sự phân bố công nghiệp là

A. địa hình. B. khí hậu. C. vị trí địa lý. D. khoáng sản.

**B. TỰ LUẬN:** (5,0 điểm)

**Câu 1.** (3,0 điểm)Phân tích thuận lợi và khó khăn các nhân tố mang tính chất tiền đề ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển nông nghiệp ở nước ta? Tại sao nói thủy lợi làbiện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta?

**Câu 2.** (2,0 điểm)Cho bảng số liệu sau:

**Tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta,**

**giai đoạn 1995-2015** *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2010** | **2015** |
| **Trâu** | 100,0 |  97,8 |  97,1 |  85,2 |
| **Lợn** | 100,0 | 123,8 | 167,9 | 170,2 |
| **Gia cầm** | 100,0 | 138,0 | 211,5 | 240,6 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê, 2016)*

 a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015.

 b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015.

-----------------Hết--------------

**\* *Lưu ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm***

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY**TRƯỜNG PTDTBT THCS TRÀ LENG** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM****KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2022 - 2023****MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)**

***Chọn ý trả lời đúng nhất trong các câu hỏi sau và ghi vào giấy bài làm (VD: Câu 1 chọn đáp án A thì ghi ở giấy làm bài là 1-A…)*** (mỗi câu 0,33 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| **ĐA** | D | B | D | B | B | D | B | D | D | D | C | C | B | B | D |

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1**(3,0) | 1. Tài nguyên đất- Đa dạng, có hai nhóm đất chính (đất phù sa và đất feralit)- Là tài nguyên quí giá, tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp 2. Tài nguyên khí hậu- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.- Phân hóa đa dạng.- Có nhiều thiên tai. 3. Tài nguyên nước - Mạng lưới sông ngòi, ao hồ dày đặc; nguồn nước ngầm khá dồi dào ...- Khó khăn: lũ lụt, khô hạn.4. Tài nguyên sinh vật: phong phú → cơ sở để thuần dưỡng, tạo giống cây trồng, vật nuôi.⇒ Tài nguyên thiên nhiên nước ta về cơ bản là thuận lợi để phát triển nền NN nhiệt đới đa dạng. | **2,0**0,50,50,50,5 |
|  Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta.- Chống úng, lụt trong mùa mưa bão. - Đảm bảo nước tưới trong mùa khô. - Cải tạo đất, mở rộng diện tích canh tác.- Các ý khác như: Tăng vụ, thay đổi cơ cấu vụ mùa và cơ cấu cây trồng hoặc tạo được năng suất cây trồng cao và tăng sản lượng cây trồng,.... | **1,0**0,250,250,25 0,25 |
| **2**(2,0) | a) Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015. \* Yêu cầu:  - Vẽ 3 đường. - Đúng về số liệu và khoảng cách năm.  - Có tên biểu đồ.  - Có kí hiệu, chú giải. - Tính thẩm mỹ.*(Nếu không đủ, đúng các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/ý)*b) Qua biểu đồ, hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng đàn trâu, đàn lợn và đàn gia cầm của nước ta, giai đoạn 1995-2015. - Đàn trâu có tốc độ tăng trưởng giảm.  - Đàn lợn và gia cầm có tốc độ tăng trưởng nhanh. - Đàn gia cầm có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất. (Nếu HS nêu 1 ý: 0,25đ, nêu được 2-3 ý: 0,5đ) | 2,0 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người ra đề** |  **Duyệt của Tổ chuyên môn**  | **Duyệt của hội đồng duyệt đề** |